



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng tìm việc làm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000516	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	09					
2	000517	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	09					
3	000518	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	09					HP
4	000519	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	09					HP
5	000520	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	09					HP
6	000521	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	09					HP
7	000522	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	09					HP
8	000523	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	09					
9	000524	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	10					
10	000525	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	10					
11	000526	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	10					
12	000527	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	10					
13	000528	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	10					HP
14	000529	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	10					
15	000530	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	10					HP
16	000531	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	10					
17	000532	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	10					
18	000533	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	10					
19	000534	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	10					HP,ĐK
20	000535	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	10					HP
21	000536	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	10					
22	000537	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	10					
23	000538	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	10					HP
24	000539	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	10					
25	000540	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	10					HP
26	000541	1101020077	Phạm Thị Hương	Giang	18/08/2005	KD11E	10					
27	000542	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	10					
28	000543	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	10					HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000544	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	10					HP
30	000545	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	10					
31	000546	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	10					
32	000547	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	10					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2